TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HS-ST
Ngày 15-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 124/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2024; Thông báo số 02/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/HSST-QĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Hùng D, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1968 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký HKTT: Số 2/144, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 1 đường NQ, phường M, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang V và bà Trần Thị V; có vợ là Trương Thị Thanh H (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2023, đến ngày 18/11/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

2. Đỗ Tuấn H, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 168 (nay là số 5, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Giám

đốc Công ty TNHH TP; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang V và bà Trần Thị V; có vợ là Đỗ Thu V (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 37/2014/HSPT ngày 14/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Đỗ Tuấn H 15 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/01/2024 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 03 năm 2023, Đỗ Hùng D đã mua lại 04 công ty gồm Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đ, MST: 0202157187, trụ sở: Cụm 8, Tổ 16 (Nhà ông Trần Đức Minh), phường H, quận HB, thành phố Hải Phòng do Phạm Đức C, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 74/161 Ch, phường D, quận LC, thành phố Hải Phòng làm giám đốc (gọi tắt là Công ty Đức C). Công ty TNHH vận tải Kh, MST: 0202157839, trụ sở: Tổ 28 (Nhà bà Nguyễn Thị Nhường), phường Q, quận HB, thành phố Hải Phòng do Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1990, địa chỉ: Xã T, huyện KT, thành phố Hải Phòng làm giám đốc (gọi tắt là Công ty Kh). Công ty TNHH vận tải Thanh TP, Mã số thuế: 0202157677, trụ sở tại: Cụm 3, Tổ 22 (Nhà bà Trần Thị Hương), phường Q, quận HB, thành phố Hải Phòng do Đỗ Thanh T, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 5, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng làm giám đốc (gọi tắt là Công ty Thanh TP). Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, MST: 0202160366, trụ sở: Tổ 12 (Nhà ông Vũ Văn Cẩn), phường H, quận HB, thành phố Hải Phòng do Phạm Đình T, sinh năm 1968, địa chỉ: 21, phường Th, quận HB, thành phố Hải Phòng làm giám đốc (gọi tắt là Công ty TP) nhằm mục đích thu lợi bất chính của một người phụ nữa tên Thu (không rõ nhân thân lai lịch) trên mạng xã hội, sau đó người phụ nữ tên Thu liên lạc trao đổi với D qua Telegram để hoàn thiện thủ tục pháp lý với giá 30.000.000 đồng/1 công ty. Sau đó, D tiếp tục mua Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, MST: 0202110069, trụ sở: Số 16 Phạm Phú Thứ, phường H, quận HB, thành phố Hải Phòng của cháu họ là Lâm Ngọc Mỹ H, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 39/179 L, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng với giá 50.000.000 đồng), sau đó nhờ Thu thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh chuyển tên giám đốc do Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 163G2 L, phường Ph, quận HB, thành phố Hải Phòng làm giám đốc (gọi tắt là Công ty LNg).

Để thực hiện hành vi bán trái phép hoá đơn, khi mua hoặc thành lập công ty, D nhận được các tài liệu, đồ vật gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,

dấu tròn công ty, dấu chức danh giám đốc, tài khoản ngân hàng internet banking của công ty, USB token, USB phần mềm hoá đơn điện tử. D quản lý đồ vật, tài liệu của các công ty để thực hiện việc bán trái phép hoá đơn.

Tháng 4/2022, Đỗ Hùng D bắt đầu thực hiên hành vi bán trái phép hoá đơn giá trị gia tăng. D được Thu giới thiệu người mua hoá đơn tên Nhàn và Quang (không rõ nhân thân, lai lịch) liên lạc với D qua tài khoản Telegram, D đăng ký bằng sim "rác" (D không nhớ số điện thoại) để thoả thuận, thống nhất cách thức liên lạc, trao đổi, thanh toán, gửi và nhận tài liệu, đồ vật liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn. Ngoài khách mua hoá đơn do Thu giới thiệu, D tự trao đổi, thoả thuận với Đỗ Tuấn H để bán trái phép hoá đơn GTGT xuất vào Công ty TP do Hải làm Giám đốc.

Mặc dù 05 công ty trên không có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thực tế nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023, Đỗ Hùng D đã xuất bán trái phép 719 hóa đơn GTGT, ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ của 05 công ty chưa tính thuế là 1.143.024.748.977 đồng, cụ thể:

- Từ 31/5/2022 - 29/12/2022, D bán trái phép 165 hoá đơn GTGT của Công ty Thanh TP, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa tính thuế trên hoá đơn là 257.414.156.708 đồng.

- Từ 27/4/2022 - 31/12/2022, D bán trái phép 169 hoá đơn GTGT của Công ty Đức C, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa tính thuế trên hoá đơn là 268.634.808.853 đồng.

- Từ 26/5/2022 - 31/10/2022, D bán trái phép 80 hoá đơn GTGT của Công ty TP, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa tính thuế trên hoá đơn là 117.545.542.946 đồng.

- Từ 23/5/2022 - 30/12/2022, D bán trái phép 139 hoá đơn GTGT của Công ty Kh, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa tính thuế trên hoá đơn là 219.834.132.863 đồng.

- Từ 30/01/2023 - 30/3/2023, D bán trái phép 166 hoá đơn GTGT của Công ty LNg, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa tính thuế trên hoá đơn là 279.596.107.607 đồng.

Trong số 719 hoá đơn D xuất bán có 540 hoá đơn GTGT D xuất bán trái phép nhằm mục đích thu lời gồm:

- 323 hoá đơn GTGT bán trái phép cho Đỗ Tuấn H xuất cho Công ty TNHH vận tải thương mại TP với tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 585.040.031.767 đồng.

- 217 hoá đơn GTGT bán trái phép cho người phụ nữ tên Nhàn và người nam giới tên Quang xuất cho các công ty: Công ty TNHH vận tải du lịch Hưng Hà, MST: 0202114472; Công ty TNHH giao nhận và vận tải Hoa Trung, MST: 0200612810; Công ty TNHH vận tải và du lịch Hoa Trung, MST: 0201726095; Công ty TNHH thương mại vận tải Diệp Nguyên, MST: 0202113359. Tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế trên 217 hoá đơn là 317.669.628.240 đồng.

Đối với 140 hoá đơn GTGT xuất cho Công ty TNHH Nam Dương, MST: 0200467874 và 39 hoá đơn xuất cho Công ty TNHH giao nhận vận tải Hoàng Huy, MST: 0202121631, D xuất nhằm mục đích để thanh toán tiền dịch vụ vận tải sau khi D thuê xe của các cá nhân thực hiện vận tải cho chị gái ruột là Đỗ Thị O, sinh năm 1964, địa chỉ thường trú: Số 01, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng. D không thu tiền bán hoá đơn đối với 179 số hoá đơn này.

Để hợp thức hoá các hoá đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ của 05 công ty trên, người mua hoá đơn thực hiện chuyển khoản số tiền tại mục "Tổng cộng tiền thanh toán" từ tài khoản ngân hàng của công ty mua đến tài khoản ngân hàng của các công ty xuất hóa đơn như mua bán hàng hóa, dịch vụ có thật, sau đó D sẽ rút tiền mặt, trả lại toàn bộ số tiền cho người mua hoá đơn hoặc D thực hiện chuyển khoản đến tài khoản của Phạm Đình T, sau đó nhờ T rút tiền đưa cho D để trả lại người mua hoặc D thực hiện chuyển khoản trả tiền từ công ty bán hoá đơn đến tài khoản ngân hàng của Đỗ Tuấn H để trả cho H tiền đã chuyển khoản hợp thức hoá đơn mua trái phép.

Về cách thức thực hiện việc xuất bán hoá đơn: Người mua hoá đơn sẽ gửi bảng kê có các nội dung cần xuất trên hoá đơn cho D qua ứng dụng Telegram gồm: Tên đơn vị mua, mã số thuế, trụ sở, tên hàng hoá dịch vụ, số lượng, đơn giá, tiền hàng. D thuê nhân viên kế toán tên Trang (không rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện xuất hoá đơn điện tử của 01 trong 05 công ty cho người mua hoá đơn và Trang thực hiện ký hoá đơn điện tử bằng USB chữ ký số của công ty. Sau khi xuất hoá đơn điện tử, D thông báo cho khách biết và gửi cho khách các tài liệu gồm: Giấy A4 đã ký tên, đóng dấu tròn, dấu chức danh giám đốc của công ty xuất hoá đơn chưa ghi nội dung để khách tự soạn các hợp đồng, biên bản cần thiết; Giấy lĩnh tiền mặt, séc của 01 trong 05 công ty đã ký tên, đóng dấu tròn, dấu chức danh giám đốc. Khi người mua hoá đơn yêu cầu đóng dấu treo vào hoá đơn điện tử thì D sẽ in hoá đơn, đóng dấu treo, gửi tài liệu cho người mua hoá đơn qua đường bưu điện hoặc gọi xe ôm giao đến địa chỉ người mua yêu cầu hoặc người mua hoá đơn cho người đến gặp D để nhận tài liệu.

Về việc thu lợi bất chính: D bán trái phép hoá đơn cho người mua với giá 0,1% giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế trên hoá đơn và đã thu tiền

bán hoá đơn năm 2022, chưa thu được tiền bán hoá đơn năm 2023. Trong số 540 hoá đơn đã xuất bán nhằm mục đích thu lợi, năm 2022 D xuất bán 418 hoá đơn GTGT cho H, Nhàn, Quang, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa tính thuế là 682.552.441.500 đồng, D thu được 682.552.442 đồng từ việc bán hoá đơn. Số tiền thu được từ việc bán hoá đơn D đã chi các khoản gồm: Nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp cho 05 công ty hết 105.311.232 đồng; trả tiền mua công ty, thuê thành lập công ty hết 170.000.000 đồng; trả lương cho Trang từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023 hết 24.000.000 đồng. Sau khi chi các khoản trên, D thu lợi bất chính được 383.241.210 đồng, D đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Hùng D khai nhận: D không có công ăn việc làm ổn định và được em trai là Đỗ Tuấn H nhờ trông bãi xe của Công ty TP tại số 01 đường NQ, phường M, quận NQ. D tìm hiểu việc bán trái phép hoá đơn ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ thu được lợi nhuận. Khoảng tháng 4/2022, D mua Công ty Đức C, Kh của Thu với giá 30.000.000 đồng/01 công ty. D không quen biết, chưa từng gặp Phạm Đức Ch - Giám đốc Công ty Đức Ch và Nguyễn Văn Kh - Giám đốc Công ty Kh. Sau đó, D thuê Thu thành lập Công ty TP đăng ký Phạm Đình T làm giám đốc, thành lập Công ty Thanh TP đăng ký Đỗ Thanh T làm giám đốc. Chi phí thuê thành lập mỗi công ty là 30.000.000 đồng. D không cho T, T biết, tham gia hoạt động mua bán trái phép hoá đơn. Tiếp đến vào tháng 01/2023, D mua Công ty L của cháu họ là Lâm Ngọc Mỹ H với giá 50.000.000 đồng, sau đó nhờ Thu đổi tên giám đốc sang Nguyễn Mạnh C, D không quen biết, chưa từng gặp Nguyễn Mạnh C. D cũng không cho H biết, tham gia hoạt động mua bán trái phép hoá đơn.

Khi mua, thành lập công ty, D đưa thông tin cá nhân của Đỗ Tuấn H và Đỗ Thị O cho Thu để Thu đăng ký làm kế toán trưởng cho các công ty, D không cho H, O biết việc này. Bản chất 05 công ty trên không có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ, D quản lý tài liệu, con dấu và ký giả tên giám đốc 05 công ty vào các tài liệu để xuất bán hoá đơn ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ cho người mua. Khoảng đầu năm 2023, D làm mất dấu chức danh giám đốc của 05 công ty trên, D tìm gặp Thu để nhờ Thu làm dấu chức danh giám đốc mới cho 05 công ty.

D lên mạng xã hội tìm thuê nhân viên kế toán tên Trang để thực hiện việc xuất hoá đơn điện tử, kê khai và nộp thuế hằng quý cho 05 công ty. Khi đến thời điểm kê khai thuế, D tự cộng tổng giá trị hàng hoá dịch vụ trên hoá đơn đã xuất bán trong quý để sử dụng làm số liệu tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ. D tự nghĩ ra con số tổng giá trị hàng hoá dịch vụ mua vào trong quý xấp xỉ gần bằng tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra trong quý rồi gửi cho Trang qua tin nhắn trên ứng dụng Telegram, Trang đến văn phòng của D, thực hiện kê khai thuế điện tử cho 05 công ty bằng máy tính cá nhân của D và USB chữ ký số của công ty để

ký xác thực tờ khai thuế. Sau khi kê khai thuế, Trang thực hiện Lệnh nộp thuế điện tử cho các công ty, tiền nộp thuế sẽ tự động chuyển từ tài khoản ngân hàng của công ty đến tài khoản của cơ quan thuế. D trả lương kế toán cho Trang mỗi tháng 2.000.000 đồng bằng tiền mặt hằng tháng và không trao đổi, không cho Trang biết về hoạt động mua bán trái phép hoá đơn của 05 công ty.

Sau khi D thành lập và mua 05 công ty trên, D nói chuyện với H việc D có công ty để xuất bán hoá đơn, nếu H có nhu cầu mua hoá đơn thì liên lạc với D. D thoả thuận với H khi cần mua hoá đơn H gửi bảng kê gồm đầy đủ thông tin cần xuất trên hoá đơn gồm: Tên hàng hoá dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền cho D để D thực hiện xuất hoá đơn của một trong 05 công ty trên cho Công ty TP, D thu của H 0,1% giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống trên hoá đơn chưa gồm thuế. Ngoài việc bán hoá đơn trái phép cho Đỗ Tuấn H, D được người bán công ty là Thu giới thiệu khách mua hoá đơn trực tiếp liên lạc với D để xuất bán hoá đơn ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ xuất cho các công ty: Công ty TNHH vận tải Du Lịch Hưng Hà, MST: 0202114472; Công ty TNHH giao nhận và vận tải Hoa Trung, MST: 0200612810; Công ty TNHH vận tải và du lịch Hoa Trung, MST: 0201726095. Ngoài ra, Đỗ Hùng D được chị gái ruột là Đỗ Thị O - Giám đốc Công ty TNHH giao nhận vận tải ND, MST: 0202121631 (nay là Công ty TNHH giao nhận vận tải HH) và Công ty TNHH ND, MST: 0200467874 do Đỗ Hữu S (chồng O) làm giám đốc thuê vận chuyển các đơn hàng do công ty HH, ND ký với khách, D thuê các xe tư nhân để thực hiện vận tải cho O nhưng do các cá nhân này không xuất được hoá đơn nên D sử dụng hoá đơn của 05 công ty xuất hoá đơn dịch vụ vận tải cho Công ty HH, Công ty ND tương ứng lượng giá trị dịch vụ D đã thuê xe chạy cho O để quyết toán tiền dịch vụ vận tải. D không cho O biết về hoạt động của 05 công ty trên.

Về hành vi của Đỗ Tuấn H: Đỗ Tuấn H thành lập Công ty TNHH vận tải và thương mại TP, MST: 0200733967 do H làm giám đốc, trụ sở: Số 168, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là Công ty TP) từ năm 2007, hoạt động kinh doanh vận tải. Quá trình kinh doanh vận tải, H xuất bán hoá đơn GTGT ghi khống hàng hoá dịch vụ của Công ty TP cho khách hàng, sau đó mua hoá đơn từ 05 công ty của D xuất vào Công ty TP bằng lượng giá trị hàng hoá dịch vụ H đã xuất bán khống từ Công ty TP với giá mua thấp hơn để hưởng lợi chênh lệch.

Quá trình kinh doanh dịch vụ vận tải của Công ty TP phát sinh việc khách hàng thuê dịch vụ vận tải của Công ty TP yêu cầu xuất hoá đơn cao hơn giá trị thực tế giao dịch mua bán nên H nảy sinh ý định bán trái phép hoá đơn của Công ty TP để thu lợi bất chính. Từ khoảng đầu năm 2022, H bắt đầu thực hiện việc bán hoá đơn ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ của Công ty TP cho người mua hoá đơn. H thoả thuận khi cần mua hoá đơn ghi khống, người mua gửi cho H bảng kê có đầy đủ các nội dung cần ghi trên hoá đơn qua tài khoản Telegram do H đăng ký bằng

sim "rác" (H không nhớ số điện thoại) gồm: Tên đơn vị mua, mã số thuế, trụ sở, tên hàng hoá dịch vụ, số lượng, đơn giá, tiền hàng. H chỉ đạo nhân viên kế toán của Công ty TP là Nguyễn Thị Thu Tr (sinh năm 1979, quận LC, thành phố Hải Phòng) thực hiện xuất hoá đơn điện tử của Công ty TP, H trực tiếp giao dịch bán hoá đơn của Công ty TP cho người mua và thoả thuận người mua hoá đơn tự soạn các hợp đồng, biên bản cần thiết rồi đưa cho H để ký đóng dấu công ty TP. Để hợp thức hoá đơn bán khống, khi người mua thực hiện chuyển khoản từ công ty sử dụng hoá đơn đến Công ty TP sẽ thông báo cho H biết để H tự rút tiền từ tài khoản của Công ty TP trả lại tiền mặt cho người mua hoá đơn hoặc H chuyển tiền từ Công ty TP đến tài khoản ngân hàng của nhân viên kế toán là: Trần Thị Thanh H, sinh năm 1981, địa chỉ: CH, phường D, quận LC, thành phố Hải Phòng, sau đó chỉ đạo H chuyển tiền đến các số tài khoản khách hàng yêu cầu. Khi bán khống hoá đơn, H thống nhất với khách sẽ thu tiền mua hoá đơn theo tháng hoặc vào cuối năm. Sau khi bán trái phép hoá đơn của Công ty TP, H tổng hợp lượng hàng hoá dịch vụ đã bán khống rồi gửi cho D để mua hoá đơn của 05 công ty xuất vào cho Công ty TP.

Từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023, Đỗ Tuấn H đã mua của D 323 hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống trên hoá đơn chưa tính thuế là 585.040.031.767 đồng xuất vào Công ty TP, cụ thể:

- Mua của Công ty Đức C 92 hoá đơn, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 173.027.362.857 đồng.

- Mua của Công ty Kh 84 hoá đơn, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 148.761.378.559 đồng.

- Mua của Công ty LNg 64 hoá đơn, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 124.604.232.969 đồng.

- Mua của Công ty TP 40 hoá đơn, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 58.544.834.410 đồng.

- Mua của Công ty TT 43 hoá đơn, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 80.102.222.972 đồng.

H trực tiếp giao dịch, gửi thông tin để mua hoá đơn cho D qua ứng dụng Telegram, sau khi mua hoá đơn, H thực hiện chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của Công ty TP sang tài khoản ngân hàng các công ty của D để hợp thức các hoá đơn mua trái phép như mua hàng hoá dịch vụ có thật, sau đó H thông báo cho D để D trả lại tiền mặt cho H hoặc D chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng cá nhân của H.

H mua hoá đơn của D với giá 0,1% giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế trên hoá đơn và xuất bán khống hoá đơn từ Công ty TP cho người mua hoá đơn với giá 0,2% giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế trên hoá

đơn. H đã thu được tiền bán hoá đơn của Công ty TP năm 2022 và đã thanh toán tiền mua hoá đơn năm 2022 cho D. Năm 2023, H chưa thu được tiền bán hoá đơn nên chưa trả tiền mua hoá đơn cho D. Năm 2022, H mua của D 259 hoá đơn GTGT tương ứng tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế là 460.435.798.798 đồng, H xuất bán trái phép hoá đơn của Công ty TP phù hợp với lượng giá trị hàng hoá dịch vụ mua vào của D và được hưởng lợi 0,1% giá trị hàng hoá dịch vụ ghi khống chưa gồm thuế trên hoá đơn. H thu được 460.435.799 đồng từ việc mua bán trái phép hoá đơn, số tiền thu được H đã chi nộp thuế cho Công ty TP từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023 hết 349.730.383 đồng. H thu lợi bất chính được 110.705.416 đồng, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Tuấn H khai nhận: H thành lập Công ty TP từ năm 2007 và mua nhiều xe đầu kéo, sơ mi rơ mooc đăng ký sở hữu của Công ty TP để kinh doanh vận tải. Từ năm 2022, H được Đỗ Hùng D cho biết D có công ty có thể xuất bán hoá đơn ghi khống nội dung hàng hoá dịch vụ. Do đó, ngoài việc kinh doanh vận tải của Công ty TP, H bắt đầu thực hiện việc xuất bán hoá đơn ghi khống hàng hoá dịch vụ, ghi tăng giá trị hàng hoá dịch vụ trên hoá đơn so với thực tế phát sinh cho khác hàng, sau đó mua hoá đơn từ 05 công ty của D xuất vào Công ty TP phù hợp với lượng giá trị hàng hoá dịch vụ H đã bán khống từ Công ty TP. H thuê Nguyễn Thị Thu Tr làm kế toán thuế và Trần Thị Thanh H làm kế toán nội bộ cho Công ty TP. H giao cho Tr nhiệm vụ kê khai thuế và xuất hoá đơn, giao cho H quản lý lương và theo dõi sổ sách ngân hàng của Công ty TP. H trực tiếp giao dịch, thoả thuận, trao đổi thông tin và thu tiền mua hoá đơn với người mua. Sau khi nhận các thông tin cần xuất trên hoá đơn, H chuyển cho Tr để thực hiện xuất hoá đơn điện tử của Công ty TP cho khách, H không trao đổi, không cho Tr biết về nội dung mua bán giữa Công ty TP và các khách hàng, không cho Tr biết về việc xuất bán khống hoá đơn của Công ty TP. Khi kê khai thuế, H cung cấp hoá đơn mua vào của Công ty TP cho Tr để đối chiếu, kê khai, không cho Tr biết, tham gia vào các giao dịch mua bán giữa Công ty TP và 05 công ty của D.

Trong thời gian thực hiện việc bán trái phép hoá đơn của Công ty TP, công ty kinh doanh vận tải và xuất hoá đơn về dịch vụ vận tải có thật. Do đó, H không xác định được những đơn vị, cá nhân nào sử dụng hoá đơn của Công ty TP là khách mua hoá đơn ghi khống, ghi tăng giá trị hàng hoá dịch vụ so với thực tế. Đối với các hoá đơn xuất bán khống từ Công ty TP, để hợp thức các hoá đơn bán khống, khách hàng chuyển khoản từ công ty mua sang tài khoản của Công ty TP, sau đó thông báo cho H, H chuyển tiền từ Công ty TP về tài khoản cá nhân của H, sau đó chỉ đạo H chuyển tiền từ tài khoản của H đến tài khoản khách hàng yêu cầu hoặc rút tiền mặt đưa cho H để H trả lại người mua. Đối với các khách hàng thuê dịch vụ vận tải có thật của Công ty TP, H thu tiền mặt ngay khi hoàn thành việc vận tải và thoả thuận sau khi khách hàng chuyển khoản đến Công ty TP sẽ chuyển

khoản trả lại và H cũng thực hiện bằng cách chuyển từ tài khoản của Công ty TP đến tài khoản của H sau đó chuyển trả khách sử dụng vận tải. Vì thế H không xác định được tài khoản ngân hàng nào nhận tiền từ tài khoản của H là tài khoản của khách hàng mua hoá đơn. H không trao đổi, không cho H biết về hoạt động bán trái phép hoá đơn của Công ty TP.

Kết quả xác minh trụ sở 05 Công ty nêu trên đều không treo biển, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc của Đỗ Hùng D tại số 01 đường NQ, phường M, quận NQ, thành phố Hải Phòng thu giữ các đồ vật tài liệu: 01 quyển giấy lĩnh tiền mặt tại ngân hàng MSB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, giám đốc Phạm Đức Ch; 01 tập Giấy lĩnh tiền mặt của ngân hàng MSB có chữ ký tại mục "chủ tài khoản"; 01 tập uỷ nhiệm chi của ngân hàng MB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, giám đốc Nguyễn Mạnh Cường tại mục "chủ tài khoản"; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức C, MST 0202157187 gồm các số: 01, 03, 14, 162, 164, 169, 131, 128; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, MST: 0202160366 gồm các số: 11, 29; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải Kh, MST: 0202157839 gồm các số: 9, 20, 7, 4; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, MST: 0202110069 gồm các số: 106, 42, 50, 123, 64, 16, 11; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải Thanh TP, MST: 0202157677 gồm các số: 159, 120, 142, 148, 98; 10 hợp đồng của 05 công ty: Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, Công ty TNHH vận tải Kh, Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, Công ty TNHH vận tải Thanh TP, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức C.

Tại bản Kết luận giám định số 61/KL-KTHS ngày 19/02/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

"*Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Kh trên các mẫu cần giám định so với chữ ký trên mẫu so sánh (do Đỗ Hùng D ký ra) do cùng một người ký ra.*

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đỗ Thanh Tùng, Phạm Đình Tâm, Nguyễn Mạnh Cường, Phạm Đức Chung trên các mẫu cần giám định so với chữ ký trên mẫu so sánh (do Đỗ Hùng D ký ra) có phải do cùng một người ký ra hay không.

Hình dấu tròn có nội dung CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TT, CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TP, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI LNG, CÔNG TY TNHH VẬN TẢI KH, CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐỨC C trên các mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra;

Hình dấu chức danh có nội dung GIÁM ĐỐC Đỗ Thanh Tùng; GIÁM ĐỐC Phạm Đình Tâm; GIÁM ĐỐC Nguyễn Mạnh Cường; GIÁM ĐỐC Phạm Đức Chung trên các mẫu cần giám định so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Không đủ cơ sở kết luận hình dấu chức danh có nội dung GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Khương trên các mẫu cần giám định so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không".

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở đồng thời là nơi làm việc của Đỗ Tuấn H không thu giữ tài liệu có liên quan. Qúa trình đến cơ quan đầu thú, Đỗ Tuấn H tự nguyện giao nộp 01 dấu tròn của Công ty TNHH vận tải và thương mại TP, 01 dấu chức danh giám đốc Đỗ Tuấn H.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại xác minh tại Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng, Cục thuế Hải Phòng, Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương, kết quả:

- Công ty TP đăng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0202160366 ngày 13/5/2022 do Phạm Đình Tâm làm giám đốc, kế toán trưởng là Đỗ Tuấn H. Công ty tạm ngừng kinh doanh từ 19/01/2023. Công ty TP kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 26/5/2022 đến 31/10/2022, công ty xuất 80 hoá đơn giá trị gia tăng dạng hoá đơn điện tử, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra là 117.545.542.946 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là: 26.826.048 đồng, trong đó thuế GTGT là 18.826.048 đồng, thuế TNDN là 8.000.000 đồng.

- Công ty Thanh TP đăng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0202157677 ngày 22/4/2022 do Đỗ Thanh Tùng làm giám đốc, kế toán trưởng là Đỗ Tuấn H, tạm ngừng kinh doanh từ 19/01/2023. Công ty TT kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 31/5/2022 đến 29/12/2022 công ty xuất 167 hoá đơn giá trị gia tăng dạng hoá đơn điện tử trong đó có 02 hoá đơn hỏng/xoá bỏ, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra trên 165 hoá đơn là 257.414.156.708 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là 25.259.204 đồng, trong đó thuế GTGT là 15.259.204 đồng, thuế TNDN là 10.000.000 đồng.

- Công ty Đức C đăng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0202157187 ngày 18/4/2022 do Phạm Đức C làm giám đốc, Đỗ Thị O làm kế toán trưởng, tạm ngừng kinh doanh từ 03/02/2023. Công ty Đức C kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 27/4/2022 đến 31/12/2022, công ty xuất 169 hoá đơn giá trị gia tăng dạng hoá đơn điện tử, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra là

268.634.808.853 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là 28.676.764 đồng, trong đó thuế GTGT là 18.676.764 đồng, thuế TNDN là 10.000.000 đồng.

- Công ty Kh đăng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0202157839 ngày 23/4/2022 do Nguyễn Văn Kh làm giám đốc, Đỗ Thị O làm kế toán trưởng, tạm ngừng kinh doanh từ 19/01/2023. Công ty Kh kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 23/5/2022 đến 30/12/2022, công ty xuất 139 hoá đơn giá trị gia tăng dạng hoá đơn điện tử, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra là 219.834.132.863 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là 24.549.216 đồng, trong đó thuế GTGT là 14.549.216 đồng, thuế TNCN là 10.000.000 đồng.

- Công ty LNG đăng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0202110069 ngày 23/6/2021 do Lâm Ngọc Mỹ Hương làm giám đốc, ngày 25/3/2023 chuyển nhượng sang Nguyễn Mạnh Cường làm giám đốc, kế toán trưởng là Đỗ Thị O. Công ty LNG kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 30/01/2023 đến 30/3/2023, công ty xuất 166 hoá đơn giá trị gia tăng dạng hoá đơn điện tử, tổng giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra là 279.596.107.607 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là 0 đồng.

- Công ty TP đăng ký và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0200733967 ngày 03/04/2007 do Đỗ Tuấn H làm giám đốc, đăng ký thay đổi 08 lần. Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 06/9/2023. Công ty TP kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An theo phương pháp khấu trừ. Từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023, công ty nộp 349.730.383 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp và 6.000.000 đồng tiền thuế môn bài.

Trong giai đoạn điều tra, những người có liên quan khai nhận như sau:

- Nguyễn Thị Thu Tr khai nhận: Khoảng từ năm 2018, Tr được H thuê làm kế toán phụ trách kê khai thuế và xuất hóa đơn cho Công ty TP. Khi đến kỳ kê khai thuế, H sẽ cung cấp cho Trang các tài liệu của các đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Công ty TP trong kỳ để Tr đối chiếu, kiểm tra với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ trên phần mềm hóa đơn điện tử. Sau khi đối chiếu xác nhận khớp số liệu, Tr sẽ sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế để nhập dữ liệu tờ khai thuế và tiếp tục các thủ tục gửi tờ khai thuế, xác nhận thuế và nộp thuế. Tr không biết những đơn vị nào sử dụng hóa đơn của Công ty TP. Trong quá trình làm việc, Tr thấy Công ty TP có sở hữu nhiều phương tiện vận tải, không biết việc H có hành vi mua bán hóa đơn trái phép. Năm 2023, Tr đã nghỉ làm việc tại Công ty TP.

- Trần Thị Thanh H khai nhận: Năm 2020, Đỗ Tuấn H thuê H làm kế toán nội bộ Công ty TP, làm các công việc kiểm soát thu chi nội bộ (cấp tiền phí cầu đường, xăng dầu, công tác phí cho các lái xe). Một số lần H có nhờ H nhận chuyển khoản tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty TP về tài khoản cá nhân của H, rồi chuyển khoản đến các tài khoản do H cung cấp hoặc rút tiền mặt về đưa cho H. H không rõ mục đích H làm như vậy để làm gì mà chỉ thực hiện theo chỉ đạo của H.

- Đỗ Thị O khai nhận: O có đứng tên kế toán cho các Công ty Đức C, LNG, Kh. Tuy nhiên, O không biết gì về hoạt động của các Công ty này. Việc O thuê vận tải từ D là do Công ty ND có nhiều lệnh vận chuyển nhưng không đủ xe để đáp ứng. O không biết các xe do D sử dụng là xe nào, chỉ sau khi hoàn thành công việc D cung cấp chứng từ phù hợp với khối lượng vận tải để O thanh toán. Đối với các hóa đơn do D cung cấp cho O là hóa đơn điện tử tra cứu mã hóa đơn xác định đều là các hóa đơn hợp pháp.

- Đối với các cá nhân: Phạm Đức Ch - Giám đốc công ty Đức Ch và Nguyễn Mạnh Cường - Giám đốc công ty LNG hiện vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không khai báo với chính quyền địa phương, chưa triệu tập làm việc được với 02 cá nhân này.

- Đối với Đỗ Hữu S - Giám đốc Công ty ND uỷ quyền cho bà O điều hành hoạt động của công ty ND từ năm 2010 và uỷ quyền cho bà O làm việc với cơ quan điều tra về hoạt động của công ty ND.

- Đối với các doanh nghiệp kê khai, sử dụng hóa đơn GTGT của 05 công ty và các doanh nghiệp kê khai, sử dụng hoá đơn của Công ty TP gồm:

+ Giám đốc Công ty HH, Công ty vận tải H Tr, Công ty du lịch HTr khai nhận: Khi thuê dịch vụ vận tải của một số cá nhân qua mạng xã hội được cung cấp hoá đơn, chứng từ của các công ty: Đức Ch, Kh, LNG, TP, TTP xuất phù hợp với lượng dịch vụ vận tải và khẳng định việc giao dịch thuê dịch vụ vận tải của 05 công ty trên là có thật.

+ Công ty DN: Xác minh tại địa chỉ đăng ký trụ sở xác định công ty không treo biển, giám đốc công ty là Nguyễn Văn D không có mặt tại địa chỉ thường trú, Cơ quan điều tra đã thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương.

+ Triệu tập tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng làm việc đối với 173 công ty sử dụng hoá đơn của Công ty TP, kết quả: 135/173 công ty đã thực hiện làm việc, gửi công văn giải trình thể hiện các công ty đều thuê dịch vụ vận tải của Công ty TP, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao dịch, ký kết, thực hiện và thanh quyết toán hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ. 34/173 công ty không đến làm việc theo giấy triệu tập. 04/173 công ty không hoạt

động tại địa chỉ đăng ký trụ sở, Cơ quan điều tra đã lập biên bản xác minh với chính quyền địa phương.

- Đối với 05 Công ty gồm:

+ Công ty TNHH dịch vụ vận tải ThV SG, MST: 0317650529, trụ sở: Số 315 đường số 85, tổ 13, phường Ph, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Công ty TNHH vận tải PhB, MST: 0317239566, trụ sở: Số 33/19K Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải KhL, MST: 0317443508, trụ sở: Số 18/8 Nguyễn Bình, ấp 2, xã Ph, huyện Nh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công ty TNHH thương mại vận tải kinh doanh xăng dầu Th, MST: 0317444237, trụ sở: Số 274/55 Nguyễn Văn Tạo, ấp 2, xã L, huyện Nh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công ty TNHH kinh doanh vận tải V, MST: 0317698030, trụ sở: Số 292/17, phường 17 quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan điều tra tách các nội dung đối với 05 Công ty trên theo quy trình giải quyết nguồn tin tội phạm có dấu hiệu tội Mua bán trái phép hóa đơn để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người biết sự việc, kết quả khám xét, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, tài liệu thu thập của Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng, Cục thuế Hải Phòng, Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng, tài liệu thu giữ: Toàn bộ hóa đơn, chứng từ, tài liệu khác thu giữ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Về dân sự:

- Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cụ thể: Đỗ Hùng D nộp 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; Đỗ Tuấn H nộp 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Công an quận Hồng Bàng tại Kho bạc nhà nước quận Hồng Bàng.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo tiếp tục tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả, cụ thể như sau: Đỗ Hùng D nộp 340.000.000 *(ba trăm bốn mươi triệu)* đồng; Đỗ Tuấn H nộp 230. 000.000 *(hai trăm ba mươi triệu)* đồng.

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKSHB ngày 15 tháng 8 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo: Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có liên quan đến vụ án, Kết luận giám định của Viện Khoa học Kỹ thuật hình sự Bộ Công an, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi và tranh luận, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đỗ Hùng D số tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đỗ Tuấn H số tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

- *Về thu lợi bất chính, xử lý vật chứng và án phí*: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Về thu lời bất chính:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đỗ Hùng D thu lời bất chính là 383.241.210 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 383.241.210 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đỗ Hùng D đã tự nguyện nộp tổng số tiền 390.000.000 *(ba trăm chín mươi triệu)* đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền là 390.000.000 đồng - 383.241.210 đồng = 6.758.790 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đỗ Tuấn H thu lời bất chính là 110.705.416 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 110.705.416 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đỗ Tuấn H đã tự nguyện nộp tổng số tiền 280.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền 280.000.000 đồng - 110.705.416 đồng = 169.294.584 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 quyển giấy lĩnh tiền mặt tại ngân hàng MSB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, giám đốc Phạm Đức Ch; 01 tập Giấy lĩnh tiền mặt của ngân hàng MSB có chữ ký tại mục "chủ tài khoản"; 01 tập uỷ nhiệm chi của ngân hàng MB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, giám đốc Nguyễn Mạnh Cường tại mục "chủ tài khoản"; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, MST 0202157187 gồm các số: 01, 03, 14, 162, 164, 169, 131, 128; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, MST: 0202160366 gồm các số: 11, 29; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải Kh, MST: 0202157839 gồm các số: 9, 20, 7, 4; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, MST: 0202110069 gồm các số: 106, 42, 50, 123, 64, 16, 11; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải TTP, MST: 0202157677 gồm các số: 159, 120, 142, 148, 98; 10 hợp đồng của 05 công ty: Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, Công ty TNHH vận tải Kh, Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, Công ty TNHH vận tải TTP, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch do liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 01 dấu tròn của Công ty TNHH vận tải và thương mại TP, 01 dấu chức danh giám đốc Đỗ Tuấn H. Đây là dấu công ty và dấu chức danh giám đốc của công ty có hoạt động kinh doanh, tuy nhiên sử dụng vào hành vi phạm tội, đồng thời Đỗ Tuấn H không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Về các vấn đề khác:

Đối với những đối tượng đứng tên giám đốc 05 công ty do D điều hành, và Đỗ Thị O, tài liệu điều tra thu thập được không có căn cứ xác định những đối tượng này đồng phạm tội mua bán trái phép hoá đơn với Đỗ Hùng D, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với người phụ nữ tên Thu, người phụ nữ tên Nhàn, người nam giới tên Quang có hành vi giúp sức và hành vi mua bán trái phép hoá đơn với Đỗ Hùng D, tài liệu điều tra chưa rõ nhân thân, lai lịch và các đối tượng có liên quan khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Thu Tr và Trần Thị Thanh H - kế toán của Công ty TP, tài liệu điều tra thu thập được không có căn cứ xác định những đối tượng này đồng

phạm tội mua bán trái phép hoá đơn với Đỗ Tuấn H, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với 06 công ty sử dụng hoá đơn của 05 công ty do D điều hành để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm của 06 công ty này, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với 173 công ty sử dụng hoá đơn của Công ty TP, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với 05 công ty do Đỗ Hùng D điều hành bán trái phép hoá đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã có công văn kiến nghị Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với 05 công ty này và gửi văn bản đến cơ quan thuế để xác minh, xử lý đối với các hoá đơn của 05 công ty này xuất cho Công ty Diệp Nguyên.

Đối với các vấn đề cần điều tra mở rộng để giải quyết vụ án một cách toàn diện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục tách tài liệu để thụ lý giải quyết theo trình tự giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[2] *Về tội danh:* Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có liên quan đến vụ án, Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 04/2022 đến tháng 3/2023, Đỗ Hùng D đã mua và thành lập 05 doanh nghiệp để bán trái phép tổng

cộng 719 hoá đơn GTGT ghi khống hàng hóa, dịch vụ, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 1.143.024.748.977 đồng, thu lợi bất chính được 383.241.210 đồng. Đỗ Tuấn H có hành vi mua trái phép 323 hoá đơn GTGT của Đỗ Hùng D, ghi khống hàng hóa, dịch vụ, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 585.040.031.767 đồng để làm đầu vào xuất hóa đơn cho các công ty có nhu cầu, thu lợi bất chính số tiền 110.705.416 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H đã phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Vì vậy, phải xem xét, xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật, để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

- *Về tính tiết định khung hình phạt:*

[4] Bị cáo Đỗ Hùng D và bị cáo Đỗ Tuấn H trong một thời gian dài thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT; cụ thể: Trong thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 3/2023, Đỗ Hùng D đã bán trái phép tổng cộng 719 hoá đơn GTGT ghi khống hàng hóa, dịch vụ, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 1.143.024.748.977 đồng, thu lợi bất chính được 383.241.210 đồng. Đỗ Tuấn H có hành vi mua trái phép 323 hoá đơn GTGT của Đỗ Hùng D, ghi khống hàng hóa, dịch vụ, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 585.040.031.767 đồng để làm đầu vào xuất hóa đơn cho các công ty có nhu cầu, thu lợi bất chính số tiền 110.705.416 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Hùng D ra tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Tuấn H sau khi phạm tội ra đầu thú; ngoài ra các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả và đã nộp tiền thu lời bất chính để khắc phục hậu quả, nên có thể coi đây là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt:* Trong vụ án này các bị cáo không đồng phạm với nhau và có vai trò độc lập. Tuy nhiên, cần phải đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] *Về hình phạt:*

[7.1] Về hình phạt chính: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Hùng D khai nhận là người thực hiện hành vi mua lại và thành lập 05 Công ty, đồng thời trực tiếp bán ra 719 số hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa, dịch vụ của 05 công ty với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 1.143.024.748.977 đồng, thu lợi bất chính được 383.241.210 đồng nên bị cáo D phải chịu hình phạt cao nhất. Bị cáo Đỗ Tuấn H có hành vi mua trái phép 323 hoá đơn GTGT của Đỗ Hùng D, ghi khống hàng hóa, dịch vụ với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 585.040.031.767 đồng để làm đầu vào xuất hóa đơn cho các công ty có nhu cầu, thu lợi bất chính số tiền 110.705.416 đồng nên bị cáo H chịu hình phạt thấp hơn bị cáo D. Căn cứ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự thì hành vi của các bị cáo: Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, bị cáo Đỗ Hùng D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [5], phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở. Đối với bị cáo Đỗ Tuấn H nhân thân có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích. Căn cứ quy định của pháp luật thì bị cáo được coi là không có án tích. Bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [5] và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo H mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do hình phạt chính áp dụng đối với các bị cáo Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiến đối với các bị cáo như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[8] *Về các vấn đề khác:*

[8.1] Đối với những đối tượng đứng tên giám đốc 05 công ty do D điều hành và Đỗ Thị O, tài liệu điều tra thu thập được không có căn cứ xác định những

đối tượng này đồng phạm tội mua bán trái phép hoá đơn với Đỗ Hùng D, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[8.2] Đối với người phụ nữ tên Thu, người phụ nữ tên Nhàn, người nam giới tên Quang có hành vi giúp sức và hành vi mua bán trái phép hoá đơn với Đỗ Hùng D, tài liệu điều tra chưa rõ nhân thân, lai lịch và các đối tượng có liên quan khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[8.3] Đối với Nguyễn Thị Thu Tr và Trần Thị Thanh H - kế toán của Công ty TP, tài liệu điều tra thu thập được không có căn cứ xác định những đối tượng này đồng phạm tội mua bán trái phép hoá đơn với Đỗ Tuấn H, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[8.4] Đối với 06 công ty sử dụng hoá đơn của 05 công ty do D điều hành để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào; căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm của 06 công ty này, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[8.5] Đối với 173 công ty sử dụng hoá đơn của Công ty TP, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8.6] Đối với 05 công ty do Đỗ Hùng D điều hành bán trái phép hoá đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã có công văn kiến nghị Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với 05 công ty này và gửi văn bản đến cơ quan thuế để xác minh, xử lý đối với các hoá đơn của 05 công ty này xuất cho Công ty Diệp Nguyên là có căn cứ.

[8.7] Đối với các vấn đề cần điều tra mở rộng để giải quyết vụ án một cách toàn diện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục tách tài liệu để thụ lý giải quyết theo trình tự giải quyết nguồn tin về tội phạm là có căn cứ.

[9] *Về thu lợi bất chính*:

[9.1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đỗ Hùng D thu lời bất chính là 383.241.210 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 383.241.210 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đỗ Hùng D đã tự nguyện nộp tổng số tiền 390.000.000 *(ba trăm chín mươi triệu)* đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền là 390.000.000 đồng - 383.241.210 đồng = 6.758.790 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[9.2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đỗ Tuấn H thu lời bất chính là 110.705.416 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 110.705.416 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn

bị xét xử, bị cáo Đỗ Tuấn H đã tự nguyện nộp tổng số tiền 280.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền 280.000.000 đồng - 110.705.416 đồng = 169.294.584 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[10] *Về xử lý vật chứng:*

[10.1] Tịch thu tiêu hủy 01 quyển giấy lĩnh tiền mặt tại ngân hàng MSB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, giám đốc Phạm Đức Ch; 01 tập Giấy lĩnh tiền mặt của ngân hàng MSB có chữ ký tại mục "chủ tài khoản"; 01 tập uỷ nhiệm chi của ngân hàng MB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, giám đốc Nguyễn Mạnh Cường tại mục "chủ tài khoản"; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, MST 0202157187 gồm các số: 01, 03, 14, 162, 164, 169, 131, 128; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, MST: 0202160366 gồm các số: 11, 29; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải Kh, MST: 0202157839 gồm các số: 9, 20, 7, 4; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, MST: 0202110069 gồm các số: 106, 42, 50, 123, 64, 16, 11; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải TTP, MST: 0202157677 gồm các số: 159, 120, 142, 148, 98; 10 hợp đồng của 05 công ty: Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, Công ty TNHH vận tải Kh, Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, Công ty TNHH vận tải Thanh TP, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch; 05 dấu tròn các công ty: Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, Công ty TNHH vận tải Kh, Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, Công ty TNHH vận tải TTP, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch; 05 dấu chức danh giám đốc: Giám đốc Đỗ Thanh T, Giám đốc Phạm Đình T, Giám đốc Phạm Đức Ch, Giám đốc Nguyễn Văn Kh, Giám đốc Nguyễn Mạnh C do liên quan đến hành vi phạm tội.

[10.2] Đối với 01 dấu tròn Công ty TNHH vận tải và thương mại TP, 01 dấu chức danh giám đốc Đỗ Tuấn H. Đây là dấu công ty và dấu chức danh giám đốc của công ty có hoạt động kinh doanh, tuy nhiên sử dụng vào hành vi phạm tội, đồng thời Đỗ Tuấn H không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[11] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Hùng D.

Tuyên bố các bị cáo: Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Xử phạt:

+ Phạt tiền bị cáo Đỗ Hùng D số tiền 350.000.000 *(ba trăm năm mươi triệu*) đồng.

+ Phạt tiền bị cáo Đỗ Tuấn H số tiền 250.000.000 *(hai trăm năm mươi triệu*) đồng.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với Đỗ Hùng D và Đỗ Tuấn H.

- *Về thu lợi bất chính*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Buộc bị cáo Đỗ Hùng D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 383.241.210 *(ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm mười*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Đỗ Hùng D đã nộp tổng số tiền 390.000.000 *(ba trăm chín mươi triệu)* đồng; cụ thể như sau: Số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng theo Biên lai thu tiền số 0002696, ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng; số tiền 170.000.000 *(một trăm bẩy mươi triệu)* đồng theo Giấy nộp tiền ngày 29 tháng 10 năm 2024 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng đến tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng mở tại Kho bạc Nhà nước quận Hồng Bàng; số tiền 150.000.000 *(một trăm năm mươi triệu)* đồng theo Giấy nộp tiền ngày 13 tháng 11 năm 2024 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng đến tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng mở tại Kho bạc Nhà nước quận Hồng Bàng và số tiền 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng theo Biên lai thu tiền số 0010009, ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Trả lại cho Đỗ Hùng D số tiền 6.758.790 đồng *(sáu triệu bẩy trăm năm mươi tám nghìn bẩy trăm chín mươi)* đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

+ Buộc bị cáo Đỗ Tuấn H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 110.705.416 (*một trăm mười triệu bẩy trăm linh năm nghìn bốn trăm mười sáu)* đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Đỗ Tuấn H đã nộp tổng số tiền 280.000.000 *(hai trăm tám mươi triệu)* đồng, cụ thể như sau: Số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng theo Biên lai thu tiền số 0002697, ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng; số tiền 230.000.000 *(hai trăm ba mươi triệu)* đồng theo Giấy nộp tiền ngày 29 tháng 10 năm 2024 từ Ngân

hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng đến tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng mở tại Kho bạc Nhà nước quận Hồng Bàng. Trả lại cho Đỗ Tuấn H số tiền 169.294.584 (*một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi bốn*) đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 quyển giấy lĩnh tiền mặt tại ngân hàng MSB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, giám đốc Phạm Đức Ch; 01 tập Giấy lĩnh tiền mặt của ngân hàng MSB có chữ ký tại mục "chủ tài khoản"; 01 tập uỷ nhiệm chi của ngân hàng MB đã ký tên, đóng dấu tròn Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, giám đốc Nguyễn Mạnh C tại mục "chủ tài khoản"; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch, MST: 0202157187 gồm các số: 01, 03, 14, 162, 164, 169, 131, 128; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, MST: 0202160366 gồm các số: 11, 29; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải Kh, MST: 0202157839 gồm các số: 9, 20, 7, 4; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, MST: 0202110069 gồm các số: 106, 42, 50, 123, 64, 16, 11; Hoá đơn GTGT điện tử của Công ty TNHH vận tải Thanh TP, MST: 0202157677 gồm các số: 159, 120, 142, 148, 98; 10 hợp đồng của 05 công ty: Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, Công ty TNHH vận tải Kh, Công ty TNHH thương mại vận tải LNG, Công ty TNHH vận tải Thanh TP, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch; 05 dấu tròn các công ty: Công ty TNHH giao nhận vận tải TP, Công ty TNHH vận tải Kh, Công ty TNHH thương mại vận tải LNg, Công ty TNHH vận tải Thanh TP, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Đức Ch; 05 dấu chức danh giám đốc: Giám đốc Đỗ Thanh T, Giám đốc Phạm Đình T, Giám đốc Phạm Đức Ch, Giám đốc Nguyễn Văn Kh, Giám đốc Nguyễn Mạnh C; 01 dấu tròn Công ty TNHH vận tải và thương mại TP, 01 dấu chức danh "giám đốc Đỗ Tuấn H".

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 06-9-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Hùng D, Đỗ Tuấn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Chung